TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/KDTM-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận chuyển hành khách*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Thịnh

2. Bà Phan Thị Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Quang Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 38/2018/TLST-KDTM ngày 30/7/2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển"*;* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST- KDTM ngày 25/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST- KDTM ngày 11/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần AD;

Địa chỉ trụ sở: đường x, phường y, quận z, , TP.Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp:

Bà Đặng Thị Lan P, là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc công ty) (vắng mặt);

Ông Lê Hữu M, cư trú tại: đường x, phường y, quận z, , TP.Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 273/UQ.18 ngày 10/7/2018. (có mặt)

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn M;

Địa chỉ trụ sở*:* Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông DP, trú tại Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu , là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Tổng giám đốc Công ty) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần AD (Sau đây gọi tắt là Công ty AD) và Công ty trách nhiệm hữu hạn M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thẻ thành viên V Taxi số 013588VTA/VMC ngày 25/12/2014, với nội dung Công ty AD cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách bằng taxi cho Công ty M; thời hạn thuê không xác định; hình thức thanh toán bằng chuyển khoản sau khi đã đối chiếu thẻ sử dụng dịch vụ (do Công ty AD phát hành) và biên lai chuyến đi.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty AD đã hoàn thành nghĩa vụ vận chuyển nhân viên của Công ty M; đồng thời đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng quy định tại hợp đồng. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty M chưa thanh toán tiền cước taxi tháng 4/2018 và tháng 5/2018.

Theo đơn khởi kiện, Công ty AD yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền nợ cước Taxi tháng 4/2018 là 34.185.237 đồng (ba mươi tư triệu một trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng); cước taxi tháng 5/2018 là 23.163.410 đồng (hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm mười đồng); tổng số tiền là 57.348.647 đồng (năm mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng). Công ty AD không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

Tại phiên tòa: Công ty AD giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng do Công ty M có thực hiện việc ký quỹ bảo lãnh hợp đồng tại Công ty AD số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nên đề nghị trừ số tiền ký quỹ trên vào phần nợ cước taxi. Công ty AD yêu cầu thanh toán số tiền còn lại là 52.348.647 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định pháp luật nhưng Công ty M không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Công ty AD khởi kiện Công ty M, trụ sở: Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu , yêu cầu thanh toán tiền mua bán hàng hóa và tiền cung cấp dịch vụ. Xét thấy Công ty AD và Công ty M là hai pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp, do hợp đồng giữa hai bên không thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hành khách*".

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3501936853 cấp ngày 04/10/2011, cấp đổi lần 2 ngày 11/9/2013 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cung cấp cho Tòa án, thì Công ty M có địa chỉ trụ sở*:* Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ; người đại diện theo pháp luật là ông DP-Tổng giám đốc Công ty; hiện nay Công ty M chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản. Theo công văn số 1362/BQL-CV ngày 19/7/2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp thì lãnh đạo doanh nghiệp Công ty M và người lao động đã không đến làm việc từ ngày 24/5/2018; đồng thời từ ngày 31/5/2018 văn phòng, nhà xưởng và toàn bộ tài sản của Công ty M do Ngân hàng Quân Đội – chi nhánh Bà Rịa, trông giữ; theo xác minh của Tòa án tại Đồn công an khu công nghiệp Tân Thành thì Công ty M không còn hoạt động và tài sản của công ty do Ngân hàng Quân đội cử người trông coi; theo Công văn số 7677/CT-KTR1 ngày 21/8/2018 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì hiện tại Công ty M không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế nên không thể cung cấp thông tin liên quan đến việc kê khai thuế.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa sơ thẩm lần 2, Công ty M vắng

mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty M là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn:

Về nội dung vụ án và nguyên nhân dẫn đến tranh chấp:

Công ty AD và Công ty M đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thẻ thành viên V Taxi số 013588VTA/VMC ngày 25/12/2014, với nội dung Công ty AD cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách bằng taxi cho Công ty M. Do đến nay, Công ty M không thanh toán tiền cước taxi tháng 4/2018 và tháng 5/2015 nên phát sinh tranh chấp đến Tòa án.

Xét hình thức của hợp đồng vận chuyển hành khách: Khi giao kết hợp đồng, Công ty AD và Công ty M được coi là pháp nhân theo đúng quy định tại Điều 84 Bộ luật dân sự 2005. Hợp đồng được thể hiện bằng hình thức văn bản, tự nguyện theo đúng Điều 24 Luật thương mại. Đại diện ký tên trong hai hợp đồng đều là người đại diện theo pháp luật của hai công ty theo quy định tại Điều 86, Điều 91 Bộ luật dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng vận chuyển hành khách không nằm trong danh mục cấm và theo đúng như trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước.

Do đó hợp đồng giữa Công ty AD và Công ty M được coi là hợp pháp, có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy từ các chứng cứ là hợp đồng kinh tế, các hóa đơn cước taxi có trong hồ sơ phù hợp lời trình bày của nguyên đơn thể hiện việc giao kết cũng như thực hiện hợp đồng vận chuyển hành khách giữa Công ty AD và Công ty M là đúng sự thật và đúng như nguyên đơn đã trình bày, thể hiện Công ty AD đã hoàn thành nghĩa vụ của bên vận chuyển được quy định tại Điều 529, 530 Bộ luật dân sự 2005; Điều 74, Điều 85, Điều 86 và Điều 88 Luật thương mại; phía Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo quy định tại Điều 531 Bộ luật dân sự 2005, Điều 86 Luật thương mại.

Xét yêu cầu chấm dứt hợp đồng giữa các bên và yêu cầu thanh toán cước taxi tháng 4/2018, tháng 5/2018

Theo Điều 5.1 của hợp đồng hai bên ký kết quy định "*Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau: Bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cước hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.*". Theo Điều 4.1 hợp đồng quy định "*…Bên B có nghĩa vụ thanh toán số tiền sử dụng taxi trong tháng trước ngày 30 hằng tháng*".

Theo hóa đơn cước Taxi tháng 4/2018, Công ty M còn nợ Công ty AD số tiền nợ gốc là 34.185.237 đồng (ba mươi tư triệu một trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng); hóa đơn cước taxi tháng 5/2018 thể hiện Công ty M còn nợ Công ty AD số tiền nợ gốc là 23.163.410 đồng (hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm mười đồng). Cho đến nay Công ty M không đến Tòa án làm việc, không có chứng cứ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán tiền

cước taxi nên là bên có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên Công ty AD có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Về yêu cầu thanh toán tiền cước taxi: Tại phiên tòa, đại diện Công ty AD thừa nhận Công ty M đã đóng số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) là tiền ký quỹ nhằm bảo đảm nghĩa vụ thanh toán; hiện nay Công ty AD đang quản lý số tiền này; nay Công ty AD đề nghị khấu trừ số tiền trên vào tiền nợ cước taxi của Công ty M. Nhận thấy theo quy định của Điều 3 tại hợp đồng đã ký kết thì trong trường hợp chấm dứt hợp đồng số tiền ký quỹ 5.000.000 đồng sẽ được khấu trừ vào tiền nợ cước taxi nếu có. Do đó yêu cầu của Công ty AD là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên hợp đồng cung cấp dịch vụ thẻ thành viên V Taxi số 013588VTA/VMC ngày 25/12/2014 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn M và Công ty cổ phần AD, chấm dứt kể từ ngày 01/7/2018. Đồng thời buộc Công ty M có nghĩa vụ trả cho Công ty AD số tiền 57.348.647 đồng (năm mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng) tuy nhiên khấu trừ vào số tiền ký quỹ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nên Công ty M phải thanh toán số tiền còn lại là 52.348.647 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

Bị đơn trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã được cung cấp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhưng phía Công ty M không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án nên coi như từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty AD.

Công ty M phải nộp án phí: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 527, 528, 529, 530, 531, 534 Bộ luật dân sự 2005; Điều 74, Điều 85, Điều 86 và Điều 88 Luật thương mại;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần AD đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn M về việc "Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hành khách".

1. Tuyên bố hợp đồng cung cấp dịch vụ thẻ thành viên V Taxi số 013588VTA/VMC ngày 25/12/2014 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn M và Công ty cổ phần AD chấm dứt kể từ ngày 01/7/2018.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải trả cho Công ty cổ phần AD, số tiền 52.348.647 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần AD số tiền là 1.433.000 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003878 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án*"

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh BRVT;*
- *VKSND thị xã Phú Mỹ;*
- *Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;*
- *Các đương sự;*

- *Lưu hồ sơ.*

Hoàng Bảo Ngọc